TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15/2019/QĐ-PT	*Đồng Nai, ngày 18 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
HỦY BẢN ÁN SƠ THẨM VÀ ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hà

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Quý

Ông Nguyễn Công Sự

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án dân sự sơ thẩm số: 127/2018/DS-ST ngày 07/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo như sau:

Ngày 14 tháng 12 năm 2018, bị đơn ông Nguyễn Trường A kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 127/2018/DS-ST ngày 07/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, ông Nguyễn Văn H là đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Trường A có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Bị đơn ông Nguyễn Trường A do ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng đồng ý với việc rút khởi kiện của nguyên đơn. Bà Đàm Thị Kim O là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay (18/6/2019) do bị sốt xuất huyết tuy nhiên Luật sư Nguyễn Thị H1, Luật sư của Công ty luật TNHH Khánh An bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà H và ông Đàm Đình H cũng xác định Đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện lập ngày 18/6/2019 là do bà H ký và điểm chỉ, đồng thời bà H1 cũng đồng ý với việc rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông A. Xét thấy việc rút toàn bộ nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và việc ông Nguyễn Văn H là đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn rút toàn bộ kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 299, 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 127/2018/DS-ST ngày 07/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự phúc thẩm thụ

lý số 50/2019/TLPT-DS ngày 28/2/2019, về việc "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại tài sản" giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1943.

Địa chỉ: Số 4/16, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đàm Thị Kim O, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 45/17, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Theo văn bản ủy quyền ngày 17/3/2017.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thị H1, Luật sư của Công ty luật TNHH Khánh An, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 1917, đường N, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Trường A, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 2/16, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976 theo giấy ủy quyền ngày 21/7/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 716, Quốc lộ 1A, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Bảo A, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 2/16, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976 theo giấy ủy quyền ngày 28/11/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3.2. Ông Đàm Đình H, sinh năm 1942.

Địa chỉ: Số 4/16, khu phố 8, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đàm Thị Kim O, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 45/17, khu phố 5B, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Theo văn bản ủy quyền ngày 17/3/2017.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thị H1, Luật sư của Công ty luật TNHH Khánh An, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.200.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001237 ngày 12/5/2015 và số 001409 ngày 21/5/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông Nguyễn Trường A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 400.000 đồng. Ông A phải chịu ½ án

phí phúc thẩm với số tiền 150.000 đồng. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm mà ông A phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003526 ngày 19/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông A còn phải nộp tiếp 250.000đ án phí dân sư sơ thẩm.

- Về các chi phí tố tụng: bà Nguyễn Thị H chịu ½ chi phí tố tụng (đã nộp xong) ông Nguyễn Trường A phải hoàn trả chi phí tố tụng cho bà Nguyễn Thị H số tiền 3.854.000 đồng.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh ĐN;
- TAND TP. Biên Hoà;
- Chi cục THADS TP. Biên Hoà;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thanh Hà

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 69-DS:</u>

(1) và (2) Ghi tên Toà án ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Nếu là Toà án nhân dân cấp tỉnh, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân cấp cao ở đâu (ví dụ: Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội).

(3) Ghi ngày, tháng, năm kháng cáo, tư cách đương sự trong tố tụng và họ tên người kháng cáo, nếu đương sự kháng cáo là cá nhân; nếu đương sự kháng cáo là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên của cơ quan, tổ chức đó; nếu người kháng cáo là người được đương sự uỷ quyền, thì ghi họ tên của người được uỷ quyền và ghi rõ đại diện theo uỷ quyền của ai theo giấy uỷ quyền ngày…. tháng…..năm…. nào (ví dụ: Ông Nguyễn Văn A là người đại diện theo uỷ quyền của

nguyên đơn là Công ty TNHH B, theo giấy uỷ quyền số 01/2017/UQ ngày 10 tháng 3 năm 2017); nội dung kháng cáo. Nếu Viện kiểm sát kháng nghị thì ghi số, ngày, tháng, năm kháng nghị, tên Viện kiểm sát kháng nghị và nội dung kháng nghị. Nếu có cả kháng cáo, cả kháng nghị, thì ghi cả hai.

(4) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ xét xử phúc thẩm thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: Người kháng cáo rút toàn bộ kháng cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(5) Ghi số ký hiệu thụ lý vụ án và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(7) Khi thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì mới ghi mục 2 này.

(8) Quyết định xử lý tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (nếu có).